

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN ĐẠI TỪ**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đỗ Thị Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST - HNGĐ, ngày 11/5/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị C, sinh năm 1984 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã Q, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm K (nay là xóm T), xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn T xây dựng gia đình năm 2018 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh T và được gia đình cho ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc

được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mẹ chồng thường xuyên gây áp lực với tôi, chồng tôi anh T thường xuyên nghe mẹ đẻ cũng gây áp lực với tôi, anh T còn nghi ngờ tôi có quan hệ ngoài ngoại tình, tuy nhiên do công việc bận, phải đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà do cuộc sống gia đình kinh tế khó khăn, tôi phải lo toan toàn bộ, anh T không lo toan được kinh tế cho gia đình còn nghi ngờ dẫn đến vợ chồng bất đồng cãi nhau, tôi có khuyên bảo anh T nhưng không có kết quả. Đến tháng 6/2019 tôi đi làm và không về nhà nữa, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Tại bản khai của bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày: Tôi và chị Nông Thị C kết hôn năm 2018, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã La B huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình tôi và được gia đình cho ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị C đi làm Công ty ở tỉnh Bắc Ninh và ở công ty, từ đó chị C ít về gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị C xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ không còn, nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị C giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị C (bản sao). Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung không có, về tài sản không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai. Anh Hoàng Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- + Cho chị Nông Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn T.
- + Về con chung: Không có.
- + Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.
- + Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Tuấn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Hoàng Văn T cư trú tại Xóm K (Nay là xóm T), xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Hoàng Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Nông Thị C và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị C cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị C cho xác định do gia đình anh T gây áp lực cho chị, anh T còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, trong khi chị phải lo toan kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng bất đồng, cãi nhau, đến tháng 6/2019 chị đi làm và không về nhà anh T, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh T cũng cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị C đi làm Công ty ở tỉnh Bắc Ninh và ở luôn Công ty, từ đó chị C ít về gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay, không còn quan tâm gì tới nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị C xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ không còn,

nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị Chinh là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị C, cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị C và anh T cùng xác định vợ chồng không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị C và anh T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị C, cho chị C được ly hôn anh Hoàng Văn T.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Về tài sản:** Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

**4. Về án phí.** Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013304 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÀO NGỌC HÀI**